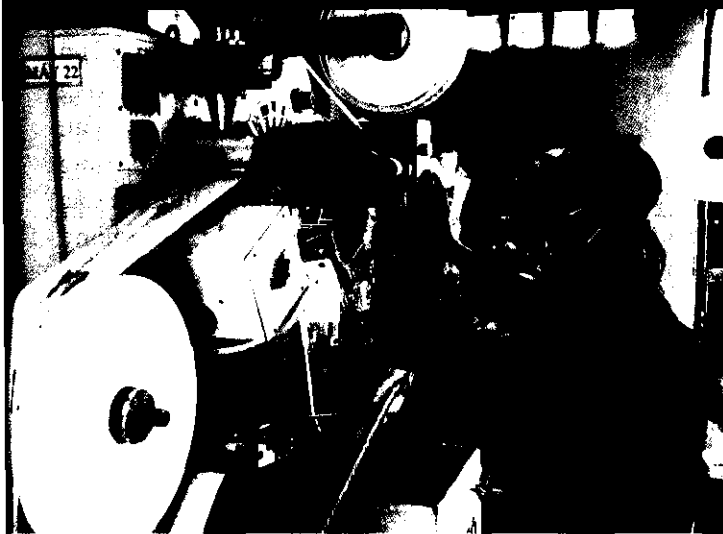




Tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới đối với phát triển công nghiệp Việt Nam

TS. Nguyễn Thị Hương*

Công nghiệp là lĩnh vực sản xuất vật chất chủ yếu của nền kinh tế nước ta. Với đặc trưng cơ bản là ngành kinh tế có lợi thế nhờ quy mô và sự phát triển của nó trong những năm qua phụ thuộc rất lớn vào thị trường thế giới, nên giờ đây khi khủng hoảng kinh tế xảy ra, lợi thế đó đã và đang trở thành bất lợi thế, cản trở sự phát triển của công nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, nếu nhận thức đầy đủ những tác động tiêu cực và những cơ hội mở ra trong bối cảnh hiện nay, thì đây có thể lại là một bước ngoặt để chúng ta tái cơ cấu các ngành sản xuất công nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

1. TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA KHỦNG HOẢNG KINH TẾ THẾ GIỚI ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Một là, khủng hoảng kinh tế xảy ra ở các nước phát triển đã làm thu hẹp quy mô thị trường và giảm giá đáng kể của các mặt hàng công nghiệp xuất khẩu chủ lực Việt Nam.

Thị trường xuất khẩu của hầu hết các mặt hàng công nghiệp chủ lực của Việt Nam là các nước phát triển. Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản chiếm một tỷ trọng rất lớn trong tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may, giày dép và các sản phẩm gỗ chế biến của nước ta. Do đó, khi khủng hoảng kinh tế xảy ra ở các nước này thì kim ngạch xuất khẩu của nước ta giảm sút là điều không thể tránh khỏi. Theo số liệu thống kê, 5 tháng đầu năm 2009, kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 29 tỷ USD, giảm 24% so với cùng kỳ 2008 và chủ yếu là do sự giảm sút của các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như dầu thô, than đá, dệt may, giày dép, sản phẩm gỗ.¹

Đối với hàng dệt may: Thị trường Hoa Kỳ và EU chiếm tới 70% giá trị xuất khẩu hàng dệt may. Riêng Hoa Kỳ, năm 2008 chiếm 56% tổng giá trị xuất khẩu hàng dệt may và đạt 7 tỷ USD. Tháng 2-2009 xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ giảm 23,63% so với 1-2009 chỉ đạt 300,4 triệu USD. Tính chung hai tháng đầu

năm 2009 giảm 4,9% so với cùng kỳ 2008 và chỉ đạt 700,1 triệu USD. Đối với thị trường các nước EU, tháng 2-2009 chỉ đạt 90,7 triệu USD giảm 37% so với 1-2009 nên kim ngạch xuất khẩu hai tháng đầu năm 2009 chỉ đạt 235 triệu USD.² So với cùng kỳ năm 2008, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam 5 tháng năm 2009 giảm 11% và chỉ đạt 3,24 tỷ USD.³

Mặt hàng công nghiệp xuất khẩu chủ lực tiếp theo sau dệt may phải gánh chịu tác động tiêu cực của khủng hoảng kinh tế thế giới là hàng giày dép. Mặt hàng này chủ yếu xuất khẩu sang các nước EU, Việt Nam chiếm vị trí thứ hai sau Trung Quốc ở thị trường này. Năm 2008, các nước trong khối này chiếm 54% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.⁴ Năm 2009 do suy thoái kinh tế đã làm giảm 20-30% đơn đặt từ các nhà hàng nhập khẩu EU. Tính chung 5 tháng đầu năm

*Viện Kinh tế,
Học viện Chính trị - Hành chính
Quốc gia Hồ Chí Minh



2009, kim ngạch xuất khẩu giảm tới 10% so với cùng kỳ 2008 và chỉ đạt 1,64 tỷ USD.⁵

Tiếp đến là mặt hàng gỗ chế biến: Nhật Bản là thị trường xuất khẩu chính của các sản phẩm gỗ Việt Nam, chiếm trên 30% tổng kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng này, sau Nhật Bản là Hoa Kỳ và EU. Theo thống kê của VIFORES, 2 tháng đầu năm 2009 kim ngạch xuất khẩu gỗ giảm 26% so với cùng kỳ năm 2008, trong đó, thị trường Hoa Kỳ và EU giảm 35%.⁶

Sự sụt giảm của kim ngạch xuất khẩu trong thời gian qua không chỉ do thị trường xuất khẩu bị thu hẹp mà còn do sự giảm giá đáng kể của các mặt hàng công nghiệp xuất khẩu của nước ta dưới tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới. Theo tính toán ban đầu của Bộ Công thương, giá cả hàng xuất khẩu giảm liên tục mấy tháng qua. Tính bình quân giá các mặt hàng xuất khẩu chủ lực giảm 27,2% làm giảm kim ngạch xuất khẩu 8,5 tỷ USD trong 4 tháng đầu năm so với cùng kỳ 2008.

Hai là, cạnh tranh giành giật thị

trường xuất khẩu mặt hàng công nghiệp ngày càng quyết liệt hơn.⁷

Điều bất lợi lớn nhất đối với xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp Việt Nam là mức độ tương đồng rất cao về cơ cấu sản phẩm và thị trường với các nước trong khu vực như Trung Quốc và các nước ASEAN. Do đó, khi khủng hoảng kinh tế làm giảm sức mua trên thị trường Hoa Kỳ, EU... thì các nước này càng cạnh tranh mạnh mẽ hơn với Việt Nam để giành giật thị trường. Mặt khác, hiện nay khi xuất khẩu vào các nước phát triển bị sụt giảm mạnh, hàng công nghiệp của Trung Quốc đang ồ ạt thâm nhập vào thị trường Việt Nam cả bằng con đường chính thức lẫn bằng các loại hình nhập lậu qua biên giới. Đây đang là những nguy cơ rất lớn đối với nhiều cơ sở sản xuất trong nước.

Ba là, để tạo công ăn việc làm cho người lao động, chính phủ các nước sẽ dùng nhiều biện pháp khác nhau để bảo hộ các ngành sản xuất của họ và cắt giảm những ưu đãi dành cho hàng xuất khẩu của Việt Nam trước đây.

Từ tháng 1/2009, ngoài việc cắt bỏ ưu đãi dành cho xuất khẩu giày dép của Việt Nam qua hệ thống thuế quan ưu đãi phổ cập chung (GSP), EU còn áp 10% thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng này (kéo dài 12-15 tháng).

Mặt khác, để chống suy thoái kinh tế, nhiều nước đang thực thi những gói kích cầu khổng lồ để hỗ trợ các ngành công nghiệp trong nước, điều này không chỉ làm giảm nhu cầu nhập khẩu từ các nước đang phát triển như nước ta mà còn tạo ra một cuộc cạnh tranh không cân sức giữa

các doanh nghiệp của ở nhiều quốc gia. Trong đó, bất lợi thể thuộc về các doanh nghiệp của các nước như Việt Nam. Ngoài ra, nhiều nước còn tăng cường dùng các rào cản mới như tiêu chuẩn chất lượng, tiêu chuẩn môi trường và tiêu chuẩn lao động để hạn chế nhập khẩu các mặt hàng công nghiệp từ các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Bốn là, các nguồn vốn đầu tư vào công nghiệp đã và có khả năng sẽ giảm mạnh trong những năm tiếp theo.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: Đã có xu hướng giảm dần vào những tháng cuối của năm 2008. 5 tháng đầu năm 2009, cả nước có 256 dự án được cấp mới với tổng vốn đăng ký mới 2,7 tỷ USD (chỉ bằng 10,8% so với cùng kỳ 2008) và 40 dự án tăng vốn đầu tư với tổng số vốn 3,96 tỷ USD.⁸

ODA: Do tác động của khủng hoảng kinh tế, hầu hết các nước cắt giảm ODA cho Việt Nam. Từ năm 2008, một số nhà tài trợ đặc biệt đã chuyển dần nguồn vốn viện trợ ưu đãi sang châu Phi và một số nước nghèo hơn. Mặt khác, ODA giảm còn liên quan đến vấn đề vốn đối ứng của Việt Nam. Từ năm 2008 đến nay, việc giải ngân nguồn vốn này có rất nhiều khó khăn, nhất là các dự án ở địa phương nghèo không có vốn đối ứng.

Dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài: Theo phân tích của nhiều chuyên gia trong thời gian gần đây, dòng vốn này sẽ suy giảm do tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới. Thực tế, năm 2007, Việt Nam tiếp nhận khoảng 0,87% tổng vốn đầu tư gián tiếp vào các nước đang phát triển tương đương

khoảng 8,7 tỷ USD, nhưng trong năm 2008 con số này đã giảm xuống gần bằng 0.⁹

Năm là, tác động của khủng hoảng kinh tế làm giảm cơ hội thu hút công nghệ nguồn vào lĩnh vực công nghiệp của Việt Nam qua con đường đầu tư trực tiếp của các công ty từ một số nước phát triển.

Sau khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO, trong năm 2008 đã có một làn sóng mới trong cơ cấu đầu tư. Đầu tư của công ty từ các nước phát triển, đặc biệt là từ Hoa Kỳ đã tăng lên rõ rệt. Nhưng do khủng hoảng tài chính bùng nổ, các công ty của Hoa Kỳ gặp khó khăn lớn về vốn, làm cho xu hướng này đã giảm từ cuối năm 2008 và trong vài năm trở lại đây khó có thể được khôi phục và phát triển. Có thể nói, khủng hoảng kinh tế giai đoạn này đã giảm mất cơ hội của Việt Nam trong việc tận dụng lợi thế của quá trình tham gia hội nhập kinh tế quốc tế để cơ cấu lại trình độ công nghệ của các ngành công nghiệp Việt Nam thông qua FDI.

2. NHỮNG TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC VÀ CƠ HỘI MỞ RA ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM TỪ CUỘC KHỦNG HOẢNG KINH TẾ THẾ GIỚI

Một là, những tác động tiêu cực của kinh tế thế giới đối với nền kinh tế là cơ hội để các nhà hoạch định chính sách và doanh nghiệp Việt Nam nhận thức lại những điểm yếu trong phát triển công nghiệp.

Trước hết, từ khủng hoảng về giá dầu mỏ và một số mặt hàng nguyên, nhiên liệu trên thị trường thế giới gây ảnh hưởng bất lợi đối với nhiều ngành công nghiệp, cho thấy chiến lược và quy hoạch phát

triển công nghiệp còn nhiều vấn đề bất hợp lý.

Hầu hết các đầu vào của ngành công nghiệp thay thế nhập khẩu (như thép, xi măng, giấy) và các ngành công nghiệp xuất khẩu chủ lực (may mặc, giấy dếp, điện tử...) đều phải nhập khẩu từ nước ngoài. Nên khi giá cả trên thị trường thế giới của các mặt hàng nói trên tăng lên thì chi phí sản xuất của các ngành công nghiệp Việt Nam phải tăng theo. Điều đó đã dẫn đến hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp bị giảm sút ở mức độ đáng kể. Từ ảnh hưởng tiêu cực nói trên cho chúng ta có cái nhìn thực tế hơn về cơ cấu các ngành công nghiệp: có sự mất cân đối rất lớn giữa các ngành công nghiệp thượng nguồn - trung nguồn - hạ nguồn. Nhiều năm qua, bên cạnh chỉ tập trung vào khai thác và xuất khẩu thô các sản phẩm khai khoáng, chúng ta chỉ chú trọng phát triển các ngành công nghiệp hạ nguồn mà ít chú trọng phát triển các ngành trung nguồn (là các ngành cung cấp các sản phẩm trung gian) nên thép cán thiếu phôi, sản xuất xi măng thiếu clinker (trong khi Việt Nam có nhiều lợi thế về nguồn nguyên liệu); sản xuất giấy thiếu bột, may mặc thiếu vải, nguyên phụ kiện may... Cuối năm 2008, sau khi đi khảo sát một số ngành công nghiệp, ngài Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam đã tỏ ra hết sức ngạc nhiên khi nhận thấy các ngành công nghiệp phụ trợ của ta thiếu đến mức trầm trọng “đến vỏ chai đựng rượu cũng phải nhập khẩu từ Nhật Bản và các nước khác”.¹⁰

Thứ hai, từ sụt giảm kim ngạch xuất khẩu của các mặt hàng công nghiệp trong thời gian qua, cùng

với những vấn đề nảy sinh khi triển khai chính sách kích cầu của nền kinh tế cho thấy, nhận thức của các nhà hoạch định chính sách và của doanh nghiệp Việt Nam về hội nhập kinh tế chưa thực sự đầy đủ.

Đó là thiếu sự nhận thức về vai trò của thị trường trong nước đối với phát triển công nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế.

Khi Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của WTO không chỉ tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam thâm nhập vào thị trường của các nước là thành viên WTO mà còn đòi hỏi Việt Nam phải mở cửa cho hàng hóa của 149 nước, đặc biệt là của các nước trong khu vực như Trung Quốc, Thái Lan thâm nhập vào thị trường nước ta. Với quy mô dân số trên 80 triệu người, cơ cấu dân số trẻ, thu nhập bình quân đầu người tăng liên tục qua các năm cùng với xu hướng tiêu dùng cận biên của người Việt Nam là tương đối cao, Việt Nam là một thị trường tiềm năng mà các nhà đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp của các nước đang tìm cách khai thác. Trong khi đó, hầu hết các doanh nghiệp thuộc nhiều ngành công nghiệp của Việt Nam do quá chú trọng vào mục tiêu xuất khẩu đã lãng quên khai thác thị trường trong nước. Biểu hiện cụ thể của thực trạng này là khi thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, Chính phủ có các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường khai thác thị trường trong nước thì hầu hết các doanh nghiệp rất lúng túng. Đặc biệt là khai thác thị trường nông thôn, nhiều doanh nghiệp chưa nhận thức được rằng trong điều kiện hội nhập kinh tế như hiện nay, người nông dân có cơ hội lựa

chọn các mặt hàng từ Trung Quốc, từ Thái Lan không những vừa với túi tiền mà còn phù hợp với sở thích của họ. Thực trạng này được nhiều đại biểu quốc hội phản ánh trên kỳ họp Quốc hội lần thứ năm vừa qua. Cử tri ở nhiều địa phương đề nghị Quốc hội bỏ điều kiện quy định, phải mua máy móc nông nghiệp sản xuất trong nước thì mới được hưởng ưu đãi lãi suất từ gói kích cầu của Chính phủ. Bởi vì, máy móc nông nghiệp Trung Quốc tiện lợi, phù hợp với nhu cầu của nông dân hơn máy móc của các doanh nghiệp Việt Nam. Thật có lý khi nhiều nghiên cứu trong đó có ý kiến của nhóm Havard cho rằng chính sách kích cầu của Việt Nam có thể sẽ kích cầu cho Trung Quốc và các nước khác chứ không phải cho các doanh nghiệp trong nước.

Tiếp đến, là nhận thức chưa đầy đủ về cơ hội và vai trò của đa dạng hóa thị trường trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ cơ cấu thị trường xuất khẩu, cho thấy hàng hóa công nghiệp Việt Nam chủ yếu tập trung vào một số thị trường như Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU và Trung Quốc. Do đó, khi cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới xảy ra với mức độ trầm trọng ở các nước này (trừ Trung Quốc) thì xuất khẩu sụt giảm mạnh là điều không thể tránh khỏi. Đây có thể coi là hậu quả của sự yếu kém trong chiến lược phát triển thị trường của các doanh nghiệp Việt Nam. Trước khi Việt Nam gia nhập WTO, các đoàn đại biểu của các nguyên thủ quốc gia nước ta đã đi thăm rất nhiều nước với mục đích là tìm kiếm sự ủng hộ của họ để Việt Nam sớm gia nhập WTO, nhưng

sau khi nước ta trở thành thành viên chính thức của tổ chức này rất ít doanh nghiệp tận dụng cơ hội đó để mở rộng thị trường sang nhiều thị trường mới ngoài việc tập trung vào các thị trường quen thuộc.

Hai là, khủng hoảng kinh tế thế giới là cơ hội để nước ta có điều kiện cơ cấu lại lĩnh vực công nghiệp theo hướng phát triển bền vững

Từ nhận thức những vấn đề trong phát triển công nghiệp đã nêu trên sẽ giúp cho các nhà hoạch định chính sách công nghiệp và các doanh nghiệp có căn cứ đầy đủ hơn trong xây dựng chiến lược, chính sách phát triển các ngành công nghiệp. Trong đó, hướng ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ và nhu cầu của thị trường trong nước về hàng công nghiệp (đặc biệt là thị trường nông thôn) phải đặc biệt được coi trọng.

Đây cũng là cơ hội để các doanh nghiệp tự khẳng định mình và vươn lên phát triển trong điều kiện mới. Có thể thấy Công ty may 10 và Công ty may Nhà Bè là những ví dụ điển hình trong giai đoạn “nỗ lực lội ngược dòng” để phát triển. Công ty may 10 nhận được thêm nhiều đơn đặt hàng từ các nước EU như Đan Mạch so với giai đoạn trước khủng hoảng nhờ các nhà nhập khẩu trước đây mua hàng từ Ba Lan, Ấn Độ, Trung Quốc nay chuyển sang nhập khẩu hàng của Việt Nam. May Nhà Bè chuyển hướng sang phục vụ nhu cầu nội địa và doanh số đã tăng 200% thay vì trước đây chỉ tập trung cho xuất khẩu¹¹. Hoặc ở lĩnh vực chế biến gỗ: một số doanh nghiệp như Hưng Long (Hà Nội), Việt

Hà (Bắc Ninh) đã kịp thời chuyển sang những dòng sản phẩm nội thất phù hợp với tâm lý người tiêu dùng trong nước nên doanh thu những tháng đầu năm 2009 không hề thấp so với cùng kỳ 2008.¹²

Đây là thời cơ thuận lợi để doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh để phát triển trong điều kiện hội nhập kinh tế.

Trong điều kiện sản xuất sụt giảm ở nhiều nước, giá cả các công nghệ tiên tiến sẽ giảm sút. Đồng thời với lợi thế đó, Nhà nước ta lại đang thực hiện mạnh mẽ chính sách kích cầu để chống suy thoái kinh tế qua hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh tín dụng..., đây có thể coi là cơ hội có một không hai mà các doanh nghiệp Việt Nam có thể tận dụng để mua công nghệ ở trình độ cao hơn, nâng cấp năng lực sản xuất của mình. Xu hướng này có thể thấy qua con số thống kê về tình hình nhập khẩu đầu năm 2009: tuy kim ngạch nhập khẩu 5 tháng đầu năm giảm 26,1% so với cùng kỳ 2008 nhưng khối lượng các mặt hàng nhập khẩu chủ lực như máy móc, thiết bị, sắt thép... có dấu hiệu tăng lên.¹³

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRONG ĐIỀU KIỆN KHỦNG HOẢNG KINH TẾ THẾ GIỚI

Trước hết, cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách hệ thống pháp luật, các thủ tục hành chính liên quan đến tạo môi trường thuận lợi cho thu hút đầu tư và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Tuy tiềm năng thu hút các nguồn vốn nước ngoài của nước



ta có thể không được như trước khi xảy ra khủng hoảng kinh tế, nhưng hiện nay các nguồn vốn đã được cam kết đối với Việt Nam vẫn còn rất lớn. Chẳng hạn, riêng ODA của WB và ADB hiện chưa giải ngân là 7,2 tỷ USD (WB: 3,7 tỷ USD và ADB: 3,5 tỷ USD)¹⁴ gần tương đương với gói kích cầu của Chính phủ. Nhưng hiện nay tốc độ giải ngân rất chậm, theo WB tốc độ bình thường là 20% nhưng Việt Nam chỉ đạt khoảng 11- 15%. Mặt khác, hiện các doanh nghiệp hiện nay vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn trong các thủ tục đăng ký kinh doanh, thuế, hải quan... Tất cả những vấn đề còn tồn tại trên đây đều liên quan đến những quy định không phù hợp trong hệ thống luật pháp và thủ tục hành chính của các cơ quan hành pháp ở nước ta. Do đó, cần phải kịp thời gỡ bỏ ngay những cản trở này. Đặc biệt, cần khơi thông những vướng mắc trong giải phóng mặt bằng cho các dự án sản xuất công nghiệp, sửa đổi một số điều khoản trong luật đất đai và những văn bản

pháp luật liên quan, tiếp tục cải cách các thủ tục hải quan, thuế...

Mặt khác, cần đẩy mạnh giải ngân từ các gói kích cầu của Chính phủ đối với các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng có tầm quan trọng đối với phát triển công nghiệp để nhanh chóng đưa các công trình này vào sử dụng.

Hai giải pháp trên đây nếu được thực hiện có hiệu quả sẽ tạo niềm tin và động lực cho các nhà đầu tư nước ngoài tăng cường giải ngân và tiếp tục đầu tư vào Việt Nam. Bởi vì, trong điều kiện khủng hoảng hiện nay, Việt Nam đang là một trong những quốc gia có triển vọng duy trì được đà tăng trưởng trong những năm tới và là một thị trường đang được đánh giá có sức hấp dẫn hàng đầu của khu vực và thế giới.

Đồng thời cần kịp thời triển đồng bộ các giải pháp để đưa nhanh các nguồn vốn trong gói kích cầu của Chính phủ đến đúng đối tượng cần hỗ trợ nhằm thực hiện cơ cấu lại đội ngũ doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp theo hướng hiệu quả. Đó là sửa đổi các

quy định đang cản trở các đối tượng được vay vốn theo chính sách hỗ trợ lãi suất hiện nay đồng thời với việc kiểm soát chặt việc thực hiện chính sách này của các tổ chức tín dụng; nâng mức ưu đãi lãi suất cho các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ tiên tiến (có thể hỗ trợ 6% cao hơn so mức chung với 4% như hiện nay hoặc kể cả hỗ trợ 100% lãi suất như đối với nông dân mua máy móc đối với những dự án công nghiệp có trình độ công nghệ cao) và nới lỏng quy định về bảo lãnh tín dụng vay vốn cho các doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới công nghệ

Mặt khác, trong gói kích cầu của Chính phủ, cần dành một tỷ lệ cần thiết hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất có nhu cầu đào tạo lại nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ. Trước đây với quy định hỗ trợ ngắn hạn (đến hết 2009) thì vấn đề này khó có thể thực hiện được, nhưng với sự nới rộng thời gian tối đa 24 tháng như hiện nay thì giải pháp này hoàn toàn có thể.

Như vậy, với việc ưu tiên hỗ trợ lãi suất hơn mức thông thường cho đầu tư đổi mới công nghệ như đã đề cập ở trên cùng với giải pháp này sẽ tạo động lực cho nhiều doanh nghiệp nâng cao trình độ sản xuất của mình. Và nếu điều này trở thành hiện thực thì vấn đề kích cầu hôm nay là tiền đề tạo năng lực tăng cung của nền kinh tế trong tương lai. Đây là kết quả đáng mong muốn nhất bởi nó không những giải quyết tốt mục tiêu tăng trưởng trong ngắn hạn mà còn cả trong dài hạn và đồng thời còn ngăn chặn được nguy cơ lạm phát có thể quay trở lại do chính sách kích cầu có thể

gây ra đối với nền kinh tế trong những năm tới.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh các giải pháp bảo vệ sản xuất trong nước bằng các công cụ phù hợp với quy định của WTO như chống buôn lậu qua biên giới, các quy định vệ sinh an toàn thực phẩm, chống bán phá giá đối với hàng nhập khẩu (đặc biệt đối với hàng Trung Quốc).

Song hành với các giải pháp đã nêu trên, các cơ quan chức năng của Chính phủ, đứng đầu là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương cần nhanh chóng bổ sung, hoàn thiện chiến lược và quy hoạch phát triển công nghiệp trên phạm vi quốc gia. Trên cơ sở đó để tiếp tục xây dựng chính sách hỗ trợ mới phù hợp với đặc điểm riêng của từng ngành công nghiệp đặt trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu. Đây là một giải pháp hết sức quan trọng để nước ta cơ cấu lại các ngành, các sản phẩm công nghiệp theo hướng hiệu quả trong dài hạn.

Đối với doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất công nghiệp cần tập trung vào những giải pháp sau đây:

Kịp thời tiếp cận các thông tin từ gói kích cầu của Chính phủ và khai thác đầy đủ các ưu đãi từ chính sách trên để giải quyết những vấn đề khó khăn trước mắt của doanh nghiệp.

Mặt khác, cần chú trọng xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn trên cơ sở nhận thức toàn diện về thời cơ và thách thức của hội nhập kinh tế. Cần coi nhu cầu của thị trường trong nước, đặc biệt là thị trường nông thôn là một hướng ưu tiên trong chiến lược đó.

Đồng thời với các giải pháp đẩy

mạnh sản xuất, các doanh nghiệp các chủ thể sản xuất cần liên kết để xây dựng các mạng lưới phân phối cả trên thị trường nội địa và cả ở thị trường nước ngoài.

Tóm lại: Khủng hoảng kinh tế thế giới đã và đang ảnh hưởng rất lớn đến phát triển của công nghiệp nước ta. Bên cạnh cần nhận thức đầy đủ tác động tiêu cực của nó để tìm cách hạn chế, các nhà hoạch định chính sách và các doanh nghiệp - các cơ sở sản xuất công nghiệp Việt Nam cũng cần thấy được những thuận lợi mới đang mở ra để tận dụng triệt cơ hội này nhằm cơ cấu lại lĩnh vực công nghiệp đạt mục tiêu hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế. ■

1. <http://tuan vietnam net 29/5/2009>.
2. *Kinh tế đầu tư* 19/3/2009.
3. <http://tuan vietnam net 05/5/2009>.
4. <http://tuan vietnam net 08/5/2009>.
5. <http://tuan vietnam net 10/6/2009>.
6. *Kinh tế đầu tư* 19/3/2009.
7. <http://tuan vietnam net 29/5/2009>.
8. *Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam* 26/5/2009.
9. *Kinh tế 2008-2009 Việt Nam và thế giới, Thời báo Kinh tế Việt Nam*, tr.63.
10. <http://tuan vietnam net 03/3/2009>.
11. <http://tuan vietnam net 21/3/2009>.
12. *Kinh tế đầu tư* 19/3/2009.
13. <http://tuanvietnamnet 04/06/2009>.
14. <http://tuan vietnam net 10/6/2009>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [http : // tuan viet nam net 03/ 03 /2009](http://tuan viet nam net 03/ 03 /2009)
- *Kinh tế đầu tư* 19/3/2009.
- <http://tuanviet nam net 21/3/ 2009>
- <http://tuan viet nam net 05 /5 / 2009>
- <http://tuan viet nam net 08/ 5/ 2009>
- *Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam* 26/5/2009
- <http://tuan vietnam net 29 /5/ 20099>.
- <http://tuan viet nam net 04/06/2009>
- <http://tuan viet nam net 10 /6 /2009>
- *Kinh tế 2008-2009 Việt Nam và thế giới, Thời báo Kinh tế Việt Nam*, tr.63.